

Bản án số: 1093/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2022

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Nhanh

2/ Bà Nguyễn Thị Nở

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/02/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3715/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dư Chánh T, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: 273/27 Phan Văn K, Phường N, Quận N, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (để nhận giấy tờ liên quan đến vụ án, bản án, quyết định của Tòa án): ông Đàm Gia L, sinh năm 1997 (vắng mặt, có đơn vắng mặt); Địa chỉ: 132/13/27/2 M, phường A, quận B, Thành phố H. (Theo giấy ủy quyền số 007064, quyền số 11/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/11/2021 tại Văn phòng công chứng Chợ Lớn).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái H – luật sư thuộc Công ty luật TNHH Nguyễn Đoàn, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt, có đơn vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Thái Thị Bạch T, sinh năm 1979 (vắng mặt, có đơn vắng mặt)

Địa chỉ: Số 10.302 đường 150, Đại lộ Moteok, Thành phố Jinju, Hàn Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Dư Chánh T trình bày:

Ông và bà Thái Thị Bạch T kết hôn vào năm 2001 theo giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyền số 1/2001 ngày 19/01/2001 do Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi kết hôn hai bên chung sống với nhau hạnh phúc bình thường tại Việt Nam, tuy nhiên qua thời dài gian chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn

do bất đồng quan điểm sống và sự khác biệt về tính cách. Đến năm 2020 bà T qua Hàn Quốc theo diện hợp tác lao động, từ khi bà T đi mỗi quan hệ của hai vợ chồng ngày càng xa cách và căng thẳng do hai bên không thể nói chuyện với nhau nhằm giải quyết mâu thuẫn. Hiện nay hai bên đã không chung sống với nhau, không ai quan tâm đến đời sống của ai, thực tế hai bên đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Thái Thị Bạch T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông Dư Chánh T khai hai bên có 01 con chung tên Dư Quốc T, sinh năm 2001 hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung : Không có.

Bị đơn bà Thái Thị Bạch T trình bày tại bản tự khai ngày 11/5/2022 được Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 11/5/2022 có nội dung như sau: Bà và ông Dư Chánh T kết hôn vào năm 2001 theo giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 1/2001 ngày 19/01/2001 do Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn bà thống nhất như trình bày của ông Dư Chánh T. Bà được biết ông Dư Chánh T đang yêu cầu ly hôn với bà tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với yêu cầu của ông Dư Chánh T bà có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Dư Chánh T.

Về con chung: Bà và ông Dư Chánh T có 01 con chung tên Dư Quốc T, sinh năm 2001 hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn ông Dư Chánh T, bị đơn bà Thái Thị Bạch T và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà T ông Nguyễn Thái H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Nguyên đơn ông Dư Chánh T đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam có đơn xin ly hôn với bị đơn bà Thái Thị Bạch T đang cư trú tại Hàn Quốc, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 ; Điều 38 ; Điều 40; Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên tham gia phiên tòa, nguyên đơn ông Dư Chánh T, bị đơn bà Thái Thị Bạch T và luật sư Nguyễn Thái H đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại

phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Dư Chánh T, bị đơn bà Thái Thị Bạch T có đăng ký kết hôn năm 2001 theo giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 1/2001 ngày 19/01/2001 do Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp.

Theo ông Dư Chánh T trình bày sau khi kết hôn hai bên chung sống với nhau hạnh phúc bình thường tại Việt Nam, tuy nhiên qua thời dài gian chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và sự khác biệt về tính cách. Đến năm 2020 bà T qua Hàn Quốc theo diện hợp tác lao động, từ khi bà T đi mỗi quan hệ của hai vợ chồng ngày càng xa cách và căng thẳng do hai bên không thể nói chuyện với nhau nhằm giải quyết mâu thuẫn. Hiện nay hai bên đã không chung sống với nhau, không ai quan tâm đến đời sống của ai, thực tế hai bên đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay ông Dư Chánh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Thái Thị Bạch T để ổn định cuộc sống. Ý kiến của bà Thái Thị Bạch T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Dư Chánh T.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, đây cũng là mục đích của hôn nhân. Thực tế vợ chồng ông Dư Chánh T, bà Thái Thị Bạch T đã không còn chung sống với nhau. Theo ông Dư Chánh T trình bày do điều kiện địa lý xa cách dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng kéo dài, tình cảm phai nhạt, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Thái Thị Bạch T đồng ý thuận tình ly hôn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông Dư Chánh T và bà Thái Thị Bạch T là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung : Ông Dư Chánh T và bà Thái Thị Bạch T đều khai có 01 con chung tên Dư Quốc T, sinh năm 2001 hiện đã trưởng thành nên không xét.

Về tài sản chung: Ông Dư Chánh T và bà Thái Thị Bạch T đều khai không có nên không xét

Về nợ chung: Ông Dư Chánh T và bà Thái Thị Bạch T đều khai không có nên không xét

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Dư Chánh T và bà Thái Thị Bạch T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 38; Điều 40; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 ; Điều 57; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dư Chánh T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Dư Chánh T được ly hôn với bà Thái Thị Bạch T.

2/ Về con chung : Có 01 con chung tên Dư Quốc T, sinh năm 2001 hiện đã trưởng thành.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Dư Chánh T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền ông Dư Chánh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001590 ngày 24/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Dư Chánh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn ông Dư Chánh T và bà Thái Thị Bạch T. Ông Dư Chánh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Bà Thái Thị Bạch T được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND Phường 5, Quận 6, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương

